

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/DS-ST
Ngày 19-9-2019
“Tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Ông Lê Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2019/QĐXXST-DS, ngày 09/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2019/QĐST-DS ngày 30/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn X, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 126, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ; (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 461, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ; (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1979. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1978. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 85A, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông X là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/02/2015 âm lịch, ông X và ông N làm có giấy nhận nợ số tiền là 34.000.000 đồng. Số tiền trên là của ông Nguyễn Chí H thiếu nợ tiền hui của ông X, khi đó ông N thiếu tiền hui của ông H nên ông H thỏa thuận với ông X số tiền nợ của ông H là do ông N trả. Khi thỏa thuận nợ thì có mặt vợ chồng

ông H, ông N và ông X, các bên đã thỏa thuận với nhau và ông X làm giấy nợ và anh N có hứa với anh X trả nợ và nói đừng cho gia đình anh N biết (Chỉ là nói miệng không làm giấy tờ) nên ông N ký tên vào giấy nhận nợ. Giấy nợ là do ông N ký tên và ghi họ tên. Hình thức trả nợ mỗi tháng ông N phải trả là 1.500.000 đồng là trông giấy nợ, nhưng ông N trả mỗi tháng 1.000.000 đồng và trả được 3 tháng là 4.500.000 đồng thì ông N không trả nữa. Ông X có điện thoại nhắc nhiều lần nhưng ông N nói không tiền trả và tránh mặt ông X nên buộc lòng ông X đến gia đình gặp ông N. Việc ông X đến nhà đòi nợ vì ông N thất tính nhiều lần vẫn không trả, ông N nhớ lấy lý do đến nhà đòi nợ làm cho gia đình ông N biết mất uy tín nên ông N không trả số tiền nợ còn lại cho ông X. Sau đó, ông X nộp đơn đến Ủy ban nhân dân xã Hội An Đông.

Ngày 18/10/2018, UBND xã có mời hai bên lên hòa giải nhưng không thành.

Nay ông X yêu cầu ông N trả tiền nợ là 29.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Không yêu cầu gì đối với ông H và bà X.

- Tại biên bản hòa giải của Tòa án ông H và bà X trình bày: Xác nhận có việc ông H và bà X nợ ông X tiền hui là 34.000.000 đồng. Trong khi đó ông N có nợ tiền hui của ông H và bà X nợ tiền hui là 34.000.000 đồng. Ngày 14/02/2015 âm lịch, ông N, bà X, ông H và ông X thống nhất thỏa thuận chuyển giao số tiền nợ của ông H và bà X sang cho ông N, coi như là chấm dứt nợ giữa ông N với bà X và ông H, ông N sẽ trả nợ cho ông X như thỏa thuận. Nay giữa ông X và ông N tranh chấp thì ông H và bà X không yêu cầu gì trong vụ án này, không yêu cầu ông N trả tiền, không đồng ý trả tiền cho ông X mà để ông X và ông N tự giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải của Tòa án ông N trình bày: Ông N và ông X có làm giấy nhận nợ (Không nhớ rõ ngày tháng năm) số tiền là 34.000.000 đồng. Số tiền trên là của vợ chồng ông H thiếu nợ tiền hui của ông X, khi đó, ông N thiếu tiền số đề của ông H nên ông H thỏa thuận với ông X là số tiền nợ của ông H là do ông N trả. Khi thỏa thuận phần nợ thì có mặt vợ chồng ông H, anh N và ông X, các bên đã thỏa thuận với nhau và ông X làm giấy nợ và ông N có hứa với ông X trả nợ và nói đừng có cho gia đình anh N biết chỉ là nói miệng không làm giấy tờ gì, ông X đã hứa nên anh N ký tên vào giấy nhận nợ. Giấy nợ là do ông N ký tên và ghi họ tên. Hình thức trả nợ mỗi tháng phải trả là 1.000.000 đồng, ông N trả được 3 tháng là 4.500.000 đồng thì ông N không trả nữa vì làm ăn không có tiền nên không trả cho ông X và nói đừng có cho vợ con ông N biết nhưng ông X không giữ lời hứa cho vợ con ông N biết. Ông X dẫn một người theo đến nhà của ông N đòi nợ làm cho vợ con ông N bất an. Sau đó, ông X có thưa ông N đến UBND xã Hội An Đông nhưng hòa giải không thành. Không yêu cầu lấy lời khai của vợ chồng ông H.

Nay ông N không đồng ý trả số nợ là 29.500.000 đồng cho ông X vì không giữ lời hứa đã cho vợ con ông N biết.

Tại phiên tòa ông N thống nhất đồng ý trả cho ông X số nợ là 29.500.000 đồng, không yêu cầu gì đối với ông H và bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông N là bị đơn đang sinh sống tại huyện Lấp Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H và bà X có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

Việc thỏa thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa ông X, ông N, ông H, bà X số nợ 34.000.000 đồng là có thật, có biên nhận nợ, được ông N thừa nhận. Sau đó, ông N đã trả cho ông X được 4.500.000 đồng.

Nay tại phiên tòa, ông N thừa nhận nợ và đồng ý trả số nợ còn lại là 29.500.000 đồng cho ông X. Xét sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp, Hội đồng xét xử công nhận.

Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Ông X không yêu cầu lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông N có nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 470, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trương Văn X.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Trương Văn X và ông Trần Văn N. Ông Trần Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn X số tiền nợ vay là 29.500.000 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.475.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ông Trương Văn X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 738.000 đồng (Bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007194 ngày 05/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thị Kiều Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lấp Vò, ngày 30 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Tiên
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kim Linh
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 thống nhất 100%:

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Kim Niên về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Hường hoàn trả số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim Hường hoàn trả cho chị Trần Thị Kim Niên số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành mà bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

Về án phí:

- Trần Thị Kim Niên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho chị Niên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00461 ngày 13/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

- Buộc Nguyễn Thị Kim Hường phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đọc lên cùng nghe và thống nhất ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA